

ĐỀ THI CUỐI KỲ MÔN TRIẾT HỌC

(Thời gian: 30 phút, học viên không được sử dụng tài liệu khi làm bài).

ĐỀ SỐ 1:

1. Cơ sở lý luận để nghiên cứu mối quan hệ biện chứng giữa vật chất – ý thức trong hoạt động thực tiễn:
 - a. Nguồn gốc và đối tượng nghiên cứu của triết học;
 - b. Vai trò của triết học trong đời sống xã hội;
 - ✓ c. Vấn đề cơ bản của triết học;
 - d. Tính thống nhất vật chất của thế giới;
 - e. Kết cấu của ý thức;
2. Đây là quan niệm về ý thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng?
 - a. Là năng lực phản ánh thuần túy của bộ não con người về hiện thực khách quan;
 - b. Là chính bộ não của con người;
 - c. Là thuộc tính phản ánh của thế giới vật chất;
 - ✓ d. Là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan;
 - e. Là sản phẩm của quá trình lịch sử tự nhiên.
3. Đây là quan niệm về nguồn gốc của ý thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng?
 - a. Là kết quả sự tác động lẫn nhau giữa các sự vật, hiện tượng vật chất;
 - b. Là kết quả quá trình tiến hoá của hệ thần kinh;
 - c. Là sự xuất hiện bộ não con người;
 - ✓ d. Là kết quả quá trình phát triển lâu dài thuộc tính phản ánh của thế giới vật chất;
 - e. Là một quá trình tự thân của ý thức.
4. Tính thống nhất vật chất của thế giới là:
 - a. Là tính vận động của vật chất;
 - b. Là tính không gian và thời gian của vật chất;
 - ✓ c. Là tính vật chất của thế giới;
 - d. Là tính tồn tại của vật chất.
 - e. Là tính phản ánh của vật chất
5. Đây là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về bản chất của ý thức?
 - a. Là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan;
 - b. Là thuộc tính của một dạng vật chất có tổ chức cao là bộ não người;
 - c. Là ý muốn chủ quan của con người.
 - d. Là đời sống tinh thần của con người.
 - ✓ e. Là sự biến đổi hiện thực khách quan trong bộ não người;

6. Khẳng định nào sau đây là đúng:

- a. Mâu thuẫn là sự liên hệ của các mặt đối lập;
- b. Mâu thuẫn được hình thành bởi sự khác nhau, sự đối lập nói chung;
- c. Mâu thuẫn là sự đồng nhất tuyệt đối của những mặt đối lập;
- ☒ d. Mâu thuẫn là sự liên hệ của các mặt đối lập trong các sự vật và hiện tượng...
- e. Mâu thuẫn là thuộc tính vốn có của hiện thực.

7. Nguồn gốc động lực bên trong của mọi sự phát triển thể hiện:

- a. Sự thay đổi chuyển hoá nói chung;
- b. Sự xuất hiện cái mới;
- c. Quá trình vận động đi lên theo đường xoáy ốc;
- ☒ d. Sự vận động nói chung.
- e. Sự đấu tranh của các mặt đối lập.

8. Quan điểm của trường phái triết học nào cho rằng ý thức là một thực thể thuần túy có trước quyết định đối hiện thực khách quan:

- a. Duy vật siêu hình;
- b. Duy vật biện chứng;
- ☒ c. Duy tâm chủ quan;
- ☒ d. Duy tâm khách quan;
- e. Nhị nguyên luận.

9. Luận điểm nào sau đây của chủ nghĩa duy vật biện chứng là đúng:

- a. Mọi sự kế tiếp nhau về thời gian là quan hệ nhân quả;
- b. Cái xuất hiện trước đều là nguyên nhân của cái xuất hiện sau;
- c. Nhân – quả là mối quan hệ tự thân có trước hiện thực và quyết định đối với hiện thực;
- d. Nguyên nhân vừa là kết quả, kết quả vừa là nguyên nhân;
- ☒ e. Nguyên nhân luôn xuất hiện trước kết quả.

10. Luận điểm nào sau đây của chủ nghĩa duy vật biện chứng là đúng:

- a. Bản chất chỉ thể hiện thông qua các hiện tượng cơ bản của sự vật;
- b. Có những hiện tượng của sự vật không mang tính bản chất;
- ☒ c. Bản chất nào hiện tượng ấy;
- d. Hiện tượng vừa là hình thức bên trong, vừa là hình thức bên ngoài của bản chất;
- e. Có bản chất chung thuần túy của các sự vật.

11. Luận điểm nào sau đây của chủ nghĩa duy vật biện chứng là đúng:

- a. Biện chứng giữa chất và lượng là xu hướng tất yếu của mọi sự phát triển;
- b. Biện chứng giữa chất và lượng là nguồn gốc, động lực bên trong của mọi sự phát triển;

(hình thức)

- ✓ c. Biện chứng giữa chất và lượng là cách thức tất yếu của mọi sự phát triển;
- d. Biện chứng giữa chất và lượng là phương thức tất yếu của mọi sự phát triển;
- e. Biện chứng giữa chất và lượng là tính chất của mọi sự phát triển;

12. Quan hệ nào sau đây quyết định các mặt quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa:

- a. Quan hệ sở hữu tư liệu nói chung của xã hội;
- b. Quan hệ trao đổi hoạt động và quản lý sản xuất;
- c. Quan hệ sản phẩm và phân phối sản phẩm;
- ✓ d. Quan hệ sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất của xã hội.
- e. Quan hệ kinh tế – chính trị xã hội.

13. Quan hệ sản xuất là:

- a. Quan hệ giữa con người và con người về kinh tế – kỹ thuật;
- b. Quan hệ giữa con người và con người trong sản xuất trong đổi sản phẩm;
- c. Quan hệ giữa con người và con người trong tổ chức quản lý xã hội;
- d. Quan hệ giữa con người và con người trong tổ chức quản lý xã hội;
- ✓ e. Quan hệ sản xuất là hình thức của phương thức sản xuất.

14. Yếu tố nào sau đây quyết định trình độ sản xuất của một phương thức sản xuất nhất định:

- a. Quan hệ sản xuất;
- ✓ b. Lực lượng sản xuất;
- c. Cơ sở hạ tầng;
- d. Kiến trúc thượng tầng
- e. Thời đại.

15. Nhân tố nào sau đây phản ánh bản chất xã hội của một hình thái kinh tế – xã hội nhất định:

- ✓ a. Quan hệ sản xuất;
- b. Lực lượng sản xuất;
- c. Nhà nước
- d. Cơ sở hạ tầng;
- e. Kiến trúc thượng tầng

16. Quy luật nào khẳng định lịch sử phát triển của xã hội là lịch sử của các phương thức sản xuất vật chất khác nhau:

- a. Quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần;
- b. Quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng;
- c. Quy luật đấu tranh giai cấp;

- ✓d. Quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất;
- e. Quy luật về sự phát triển kinh tế – xã hội.

17. Quy luật nào khẳng định lịch sử phát triển của xã hội là lịch sử của các nền kinh tế chính trị, văn hoá xã hội khác nhau:

- a. Quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần;
- ✓b. Quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng;
- c. Quy luật đấu tranh giai cấp;
- d. Quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất;
- e. Quy luật về sự hình thành và phát triển của nhà nước.

18. Định nghĩa nào sau đây của chủ nghĩa duy vật biện chứng về con người:

- a. Con người là vũ trụ thu nhỏ;
- b. Con người là một thực thể sinh học;
- c. Con người là một thực thể xã hội;
- d. Con người là một thực thể thống nhất giữa mặt sinh học và mặt xã hội;
- e. Con người là tổng hoà những mối quan hệ xã hội;

19. Nhân tố nào sau đây là nội dung cơ bản nhất để xây dựng khái niệm quần chúng nhân dân:

- a. Những người lao động trực tiếp sản xuất vật chất
- b. Các bộ phận dân cư;
- c. Dân tộc;
- d. Giai cấp.
- e. Giai cấp, dân tộc và các tầng lớp xã hội.

20. Hoạt động nào sau đây của quần chúng nhân dân để khẳng định sự nghiệp cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân:

- a. Hoạt động sản xuất vật chất;
- b. Hoạt động sản xuất tinh thần;
- c. Hoạt động kinh tế – xã hội;
- d. Hoạt động sáng tạo nghệ thuật;
- e. Hoạt động đấu tranh xã hội;

NỘI DUNG ÔN TẬP

1. MỐI QUAN HỆ BIỆN CHỨNG GIỮA VẬT CHẤT VÀ Ý THỨC;
2. PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT;
3. LÝ LUẬN NHẬN THỨC;
4. HÌNH THÁI KINH TẾ XÃ HỘI.